

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 6- 2020

V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tấn Tài

Bà Nguyễn Bé Bảy

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/TLST -HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2019 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp 5, xã K, huyện U , tỉnh C (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp 5, xã K, huyện U , tỉnh C (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/3/2020 của Anh D và tại đơn xin vắng mặt ngày 06/5/2020 của chị Đ, Anh D và chị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh D và chị Đ tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh C. Trong thời gian chung sống không được hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cự cãi, mâu thuẫn ngày càng kéo dài, không hàn gắn được nên đã ly thân, Anh D và chị Đ cùng thống nhất ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn D khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Đ, địa chỉ cư trú ấp 5, xã K, huyện U, tỉnh C, theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên xét xử vắng mặt Anh D và chị Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị Đ tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa Anh D và chị Đ là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Trong cuộc sống vợ chồng giữa Anh D và chị Đ đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, dẫn đến ly thân nhau, Anh D và chị Đ cùng thống nhất ly hôn với nhau. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa Anh D và chị Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho Anh D và chị Đ ly hôn.

[3] Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị Đ cùng xác định không có nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng, Anh D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004876 ngày 02/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu; chị Lê Thị Đ không phải chịu án phí, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 53; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D với chị Lê Thị Đ.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng, Anh D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004876 ngày 02/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu; chị Lê Thị Đ không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- UBND xã Khánh Hòa, huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Thanh Nguyễn

